

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 220/2016/NQ-HĐND17

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 4 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**V/v Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán
và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ
có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số 78/TTr-UBND, ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh đề nghị về việc Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (có quy định kèm theo).

Điều 2. Giao UBND tỉnh hướng dẫn, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết này, thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi ban hành quyết định. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường kỳ cuối năm của HĐND tỉnh.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2016.

Các quy định trước đây của tỉnh trái với Nghị quyết này đều bị bãi bỏ.

Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được HĐND tỉnh khoá XVII, kỳ họp thứ 18 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Nhân Chiến

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí
đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

(Kèm theo Nghị quyết số 220/2016/NQ-HĐND17 ngày 14/4/2016 của HĐND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Quy định này quy định một số yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước; định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN của cơ quan có thẩm quyền; một số quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng:

1. Căn cứ vào tình hình thực tế ở địa phương, UBND tỉnh ban hành một số quy định cụ thể định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở; các nội dung khác áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN).

2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại Thông tư số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN và quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước:

Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và Quy định về quản lý các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

1. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

- 1.1. Chủ nhiệm nhiệm vụ;
- 1.2. Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học;
- 1.3. Thành viên;
- 1.4. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

2. Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh quy định tại điểm 1.1; 1.2; 1.3 Khoản 1 Điều này phụ thuộc vào nội dung thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ xem xét và cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt bảo đảm theo đúng các quy định của nhà nước.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước:

Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và các văn bản có liên quan.

Điều 6. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước:

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp:

Cấu trúc thuyết minh phần tính tiền công lao động triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả áp dụng theo quy định tại điểm a và tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo phương pháp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN trên cơ sở hệ số tiền công theo ngày áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở như sau:

1.1. Hệ số tiền công theo ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được tính bằng 80% hệ số tiền công theo ngày áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia. Cụ thể theo bảng sau:

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh $Hstencet = (Hcd \times Hkh) / 22 \times 80\%$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,63
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,39
3	Thành viên	3,66	1,5	0,20
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,13

1.2. Hệ số tiền công theo ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được tính bằng 80% hệ số tiền công theo ngày áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Cụ thể theo bảng sau:

STT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (Hstencet)	Hệ số tiền công theo ngày nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở $Hstencs = Hstencet \times 80\%$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,63	0,50
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,39	0,31
3	Thành viên	0,20	0,16

STT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (Hstcnct)	Hệ số tiền công theo ngày nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở $Hstencs = Hstcnct \times 80\%$
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,13	0,10

1.3. Dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại điểm 1.1; 1.2; 1.3 Khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu:

2.1. Thuê chuyên gia trong nước:

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước và áp dụng theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh không quá 30.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại điểm 1.1 Khoản 1 Điều này.

2.2. Thuê chuyên gia ngoài nước:

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho Hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại điểm 1.1 Khoản 1 Điều này thì trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Dự toán chi hội thảo khoa học độc lập và hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu trong các đề tài, dự án KH&CN.

- 3.1. Định mức chi cho hoạt động hội thảo khoa học cấp tỉnh như sau:
- Người chủ trì: 1.000.000 đồng/buổi hội thảo;
 - Thư ký hội thảo: 320.000 đồng/buổi hội thảo;
 - Báo cáo khoa học trình bày tại hội thảo: 1.300.000 đồng/báo cáo;
 - Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 800.000 đồng/báo cáo;
 - Thành viên tham gia hội thảo: 200.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo.
- 3.2. Định mức chi cho hoạt động hội thảo khoa học cấp cơ sở như sau:
- Người chủ trì: 750.000 đồng/buổi hội thảo;
 - Thư ký hội thảo: 250.000 đồng/buổi hội thảo;
 - Báo cáo khoa học trình bày tại hội thảo: 1.000.000 đồng/báo cáo;
 - Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 640.000 đồng/báo cáo;
 - Thành viên tham gia hội thảo: 160.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo.

4. Dự toán chi hợp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có): được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở được quy định tương ứng tại mục 1.4 biểu kèm theo điểm 1, khoản I, Điều 8 Quy định này.

Điều 7. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN:

Chi quản lý nhiệm vụ KH&CN của cơ quan có thẩm quyền bao gồm các nội dung chi theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

Điều 8. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN:

I. Định mức chi tiền công của các Hội đồng.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Định mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1.1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Định mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1.1.1	Chi họp HĐ tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng	Nhiệm vụ	650	500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	Nhiệm vụ	520	400
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200	150
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	130	100
1.1.2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	01 phiếu	200	150
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng	01 phiếu	320	250
1.2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
1.2.1	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng	Nhiệm vụ	1.100	850
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	Nhiệm vụ	750	600
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	220	170
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	120
1.2.2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng	01 phiếu	380	300
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng	01 phiếu	520	400
1.3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN			
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	450	350

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Định mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	320	250
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200	150
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	130	100
1.4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
1.4.1	Chi hợp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng	Nhiệm vụ	1.100	850
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	Nhiệm vụ	750	600
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	220	170
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	120
1.4.2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng	01 phiếu	380	300
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng	01 phiếu	520	400

2. Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 9. Lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ KH&CN:

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét giao trực tiếp các nhiệm vụ KH&CN trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có); kế hoạch đánh giá, nghiệm thu đối với các nhiệm vụ KH&CN trong năm và định mức chi tại quy định này, Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN ở cấp huyện xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của nhiệm vụ KH&CN và tổng hợp vào dự

toán chi sự nghiệp KH&CN của địa phương, để trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 10. Lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN:

1. Căn cứ:

1.1. Mục tiêu, yêu cầu, nội dung và khối lượng công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt;

1.2. Các định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành, định mức làm căn cứ xây dựng dự toán tại Quy định này và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Yêu cầu:

2.1. Dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các kết quả, sản phẩm cụ thể của nhiệm vụ KH&CN;

2.2. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

Điều 11. Thẩm định, phê duyệt, giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN theo đúng chế độ quy định. Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế - kỹ thuật của các Bộ, ngành chức năng ban hành thì Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính thống nhất quyết định.

2. Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN được UBND tỉnh giao, Sở Tài chính thực hiện việc phân bổ dự toán cho các đơn vị và cơ quan chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt.

3. Việc khoán chi thực hiện các nhiệm vụ KH&CN áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính.

4. Việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 01/9/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính.

Điều 12. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN:

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp:

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt; các nhiệm vụ KH&CN được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau thời điểm Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN có hiệu lực thì thực hiện theo quy định này.

2. Các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2016 của các đơn vị sự nghiệp KH&CN đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, đã phân bổ kinh phí và triển khai ký hợp đồng thuê khoán thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 64/2008/QĐ-UBND ngày 12/5/2008 của UBND tỉnh Quy định về định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Ninh.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành:

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tiếp thu, đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.